

CÙNG CỐ

Ở bài đặt tính rồi tính cần lưu ý:

- Đặt tính thẳng cột.
- Khi tính luôn lưu ý việc “có nhớ”.

PHÉP TRỪ CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 10 000 (3 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Xây dựng biện pháp trừ các số có bốn chữ số (không nhớ, có nhớ không quá hai lượt, không liên tiếp).
- Trừ nhầm trong phạm vi 10000.
- Cùng cố mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ.
- Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến phép cộng, phép trừ trong phạm vi 10000 và độ dài đường gấp khúc.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán; giải quyết vấn đề toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

Phẩm chất: trách nhiệm, chăm chỉ.

B. Thiết bị dạy học

GV: Hình ảnh dùng cho Luyện tập 2.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞ ĐỘNG

GV tổ chức cho HS hát hoặc chơi để khởi động.

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. 3936 - 1421

- GV: Khi trừ hai số có ba chữ số, ta phải làm thế nào?

• Đặt tính

Lưu ý điều gì? (Các chữ số cùng hàng đặt thẳng cột với nhau)

• Tính.

Trước khi tính, ta lưu ý điều gì? (Quan sát xem đây có là phép trừ có nhớ không)

Tính theo thứ tự nào? (Từ phải sang trái)

- GV đặt vấn đề: Vậy với phép trừ hai số có bốn chữ số thì làm thế nào? (Thực hiện như trừ các số có ba chữ số)

- GV viết: $3936 - 1421 = ?$

• Đặt tính

HS nêu cách đặt tính rồi đặt tính trên bảng con.

Viết số này dưới số kia sao cho các chữ số cùng hàng thẳng cột với nhau, viết dấu trừ, kẻ vạch ngang (GV đặt tính trên bảng).

• Tính

Trước khi tính, quan sát xem đây có phải là phép trừ có nhớ không.

HS tính trên bảng con.

$$\begin{array}{r} 3936 \\ - 1421 \\ \hline 2515 \end{array}$$

Sau khi tính, HS kiểm tra lại (từng chữ số so với đề bài, đặt tính, tính).

- HS nêu cách trừ (HS nói, GV thực hiện phép tính trên bảng và khái quát cách trừ):

Tính theo thứ tự từ phải sang trái.

Đơn vị trừ đơn vị, chục trừ chục, trăm trừ trăm và nghìn trừ nghìn.

HS: đây là phép trừ không có nhớ.

- 6 trừ 1 bằng 5, viết 5.
- 3 trừ 2 bằng 1, viết 1.
- 9 trừ 4 bằng 5, viết 5.
- 3 trừ 1 bằng 2, viết 2.

2. 4140 - 1421

GV viết: $4140 - 1421 = ?$

$$\begin{array}{r} 4140 \\ - 1421 \\ \hline 2719 \end{array}$$

• Đặt tính

HS đặt tính trên bảng con.

• Tính (luôn lưu ý có nhớ hay không)

HS tính rồi nói cách tính.

- GV giúp HS hệ thống lại cách đặt tính và tính (vừa nói vừa thao tác trên bảng).

GV: đây là phép trừ có nhớ.

GV giúp HS kiểm tra lại (từng chữ số so với đề bài, đặt tính, tính, đặc biệt thao tác nhớ).

- 0 không trừ được 1, lấy 10 trừ 1 bằng 9, viết 9, **nhớ 1**.
- 2 **thêm 1** bằng 3, 4 trừ 3 bằng 1, viết 1.
- 1 không trừ được 4, lấy 11 trừ 4 bằng 7, viết 7, **nhớ 1**.
- 1 **thêm 1** bằng 2, 4 trừ 2 bằng 2, viết 2.

3. Thực hành

Bài 1:

- HS **nhận biết** yêu cầu.

- GV: Ở bài đặt tính rồi tính cần lưu ý điều gì?

- Đặt tính thẳng cột.
- Khi tính luôn lưu ý việc “có nhớ”.

- Có thể tiến hành như sau:

- Bốn phép tính đầu: HS **thực hiện** cá nhân rồi **chia sẻ** nhóm đôi.
- Bốn phép tính sau: Tổ chức trò chơi tiếp sức cho các tổ.

- GV lưu ý luôn nhận xét và chỉnh sửa việc đặt tính và tính.

LUYỆN TẬP

Bài 1:

- a) – HS nhóm đôi **nhận biết** yêu cầu, **thảo luận** cách thực hiện.
– HS **thực hiện** cá nhân.
– Một số nhóm **trình bày** cách làm, các em có thể thực hiện theo các cách sau:
+ Dòng đầu: Đặt tính rồi tính.
+ Dòng sau: Dựa vào quy tắc tìm số bị trừ.
(HS chỉ cần **trình bày**: $2307 + 2412 = 4719$. Vậy $?. = 4719$.)
hay Dựa vào phép tính đầu và quan hệ giữa hai phép trừ tương ứng:
(HS **nói**: $4719 - 2307 = 2412$ nên $4719 - 2412 = 2307$.
Vậy $?. = 4719$.)
– GV nhận xét và giúp HS **nhận biết** cách làm nào thuận tiện hơn.
b) HS **thực hiện** cá nhân.
Một vài em **trình bày** cách làm, cả lớp **nhận xét**.

Bài 2:

- HS nhóm bốn **nhận biết** yêu cầu, **thảo luận** cách thực hiện: **Tìm** giá trị mỗi biểu thức (kết quả mỗi phép trừ) rồi **chọn** giá trị (số trong hình tròn) phù hợp.
– Mỗi HS **thực hiện** cá nhân một phép tính rồi **chia sẻ** nhóm bốn. Cả nhóm **thống nhất** cách chọn giá trị phù hợp với biểu thức.
– Sửa bài, HS thi đua **nối** phép tính với kết quả (trên bảng lớp).
GV nhắc lại các thuật ngữ: *biểu thức, giá trị của biểu thức*.

Bài 3: HS thực hiện cá nhân.

- Tìm hiểu bài: **Đọc** kĩ đề bài, **nhận biết** cái đã cho và câu hỏi của bài toán.
– **Tìm** cách giải bài toán
+ Hỏi số bóng hồng đỏ nhiều hơn số bóng hồng vàng tức là tìm *phần hơn*.
+ *Phần hơn = Số lớn - Số bé*
Số lớn = ? Số bé = ?
– **Trình bày** bài (vào vở)

Bài giải

$$5193 - 3463 = 1730$$

Số bóng hồng đỏ nhiều hơn số bóng hồng vàng là 1730 bóng.

– **Thử lại**

HS có thể dựa vào mối quan hệ giữa *số lớn, số bé* và *phần hơn* để thử lại:

$$\text{Số bé} + \text{Phần hơn} = \text{Số lớn}$$

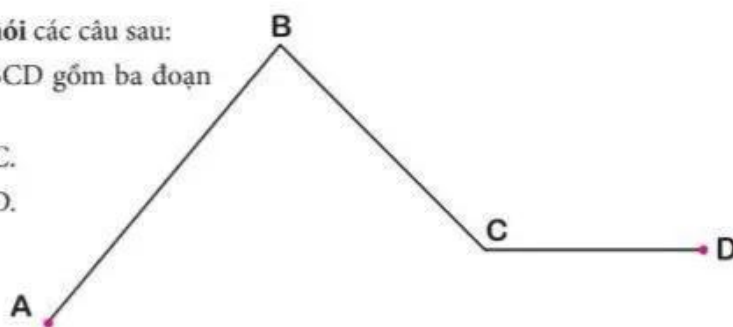
$$3463 + 1730 = 5193$$

Bài 4:

- GV vẽ hình trên bảng.

- GV hỏi, tay chỉ để HS **nói** các câu sau:

- Đường gấp khúc ABCD gồm ba đoạn thẳng: AB, BC, CD.
- Đường gấp khúc ABC.
- Đường gấp khúc BCD.



- HS nhóm bốn **tìm hiểu** bài, **nhận biết** yêu cầu của bài: Tìm độ dài đoạn thẳng BC.

- Các nhóm **thảo luận** tìm cách giải quyết: Dựa vào những điều đề bài cho biết.

- Tại sao độ dài đường gấp khúc ABCD lại hơn độ dài đường gấp khúc ABC là 300 mm? (12 trăm - 9 trăm = 3 trăm)

Do hơn một đoạn thẳng \rightarrow $CD = 300$ mm.

- Độ dài đoạn thẳng CD có liên quan gì tới độ dài đoạn thẳng BC?

Biết độ dài đường gấp khúc BCD và độ dài đoạn thẳng CD, tính được độ dài đoạn thẳng BC. (7 trăm - 3 trăm = 4 trăm)

- Một vài nhóm **trình bày**: Vừa chỉ vào hình vẽ để minh họa cách làm, vừa thực hiện trừ nhẩm.

GV lưu ý HS các kiến thức về đường gấp khúc, độ dài đường gấp khúc.

CÙNG CỐ

Ở bài đặt tính rồi tính cần lưu ý:

- Đặt tính thẳng cột.
- Khi tính luôn lưu ý việc "có nhớ".

EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ?

(2 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Hệ thống hoá việc lập số có bốn chữ số, cấu tạo thập phân của số.
- Cùng cố cách tìm thành phần trong phép cộng, phép trừ.
- Thực hiện cộng, trừ trong phạm vi 10 000.
- Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến tính nhẩm, nhân, chia các trường hợp đặc biệt (số 0).
- Giải quyết vấn đề đơn giản có liên quan đến ý nghĩa của phép cộng, phép trừ và cộng, trừ trong phạm vi 10 000.

2. Năng lực chủ trọng: tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt.

Phẩm chất: yêu nước, chăm chỉ, trung thực.